

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TAM BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-05-2025

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Không.

Trong ngày 14 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05/02/2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/03/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 16/04/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1973 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Chị **Đỗ Thị L (Đỗ Thị L1)**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Vào năm 1996, do mai mối nên anh và chị Đỗ Thị L tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/03/1997 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng chỉ kéo dài đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến trong đời sống gia đình, không còn tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống, vợ chồng đã sống ly thân

từ năm 2018 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đỗ Thị L.

Về con chung: Có con chung là Nguyễn Thị Kim X, sinh ngày 20/04/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Đỗ Thị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/03/2025, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh yêu cầu ly hôn với chị Đỗ Thị L. Về con chung: Có con chung là Nguyễn Thị Kim X, sinh ngày 20/04/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về pháp luật tố tụng:*

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn, nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn”; bị đơn chị Đỗ Thị L cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Đỗ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về pháp luật nội dung:*

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Dũng và chị L qua mai mối năm 1996 rồi đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 24/03/1997, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Nguyễn Văn D trình bày: Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng chỉ kéo dài đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý

kiến trong đời sống gia đình, không còn tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đỗ Thị L.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng anh D, chị L đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“... Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

[2]. *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn D khai có con chung là Nguyễn Thị Kim X, sinh ngày 20/04/2002 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Nguyễn Văn D khai không yêu cầu, chị Đỗ Thị L cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn D được ly hôn với chị Đỗ Thị L.

[2]. *Về con chung*: Có con chung là Nguyễn Thị Kim X, sinh ngày 20/04/2002 đã trưởng thành, nên không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N_g 0014788 ngày 05/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Anh Nguyễn Văn D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND xã Tân Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo